

Số: 07/QTSC - QLĐTHT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty

Công ty TNHH một thành viên Phát triển Công viên phần mềm Quang Trung (QTSC) có nhu cầu thực hiện gói mua sắm hàng hóa, dịch vụ với các yêu cầu sau đây:

I. KHÁI QUÁT HẠNG MỤC MUA SẮM

- Tên hạng mục mua sắm: Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt toàn Khu Công viên phần mềm Quang Trung.
- Thời gian thực hiện: 04 tháng (từ 01/8/2026 đến hết 30/11/2026).
- Địa điểm thực hiện: Khu Công viên phần mềm Quang Trung, phường Trung Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh.

II. TƯ CÁCH HỢP LỆ CỦA NHÀ CUNG CẤP

Nhà cung cấp tham gia hạng mục mua sắm có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Nhà cung cấp trong nước: có đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với nhà cung cấp nước ngoài: có đăng ký thành lập hoạt động theo pháp luật nước ngoài;
- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc chấm dứt hoạt động; không bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;
- Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật đấu thầu.

III. YÊU CẦU CỦA HẠNG MỤC MUA SẮM

1. Yêu cầu cung cấp hàng hóa/dịch vụ: (Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm)
2. Yêu cầu về thời gian thực hiện: 04 tháng (từ 01/8/2026 đến hết 30/11/2026).
3. Yêu cầu về phương thức thanh toán: hai bên thương thảo khi ký kết hợp đồng.
4. Cam kết của nhà cung cấp về tài chính để thực hiện hạng mục mua sắm: Nhà cung cấp cam kết đủ năng lực tài chính để thực hiện hạng mục mua sắm này.

IV. YÊU CẦU BÁO GIÁ CỦA NHÀ CUNG CẤP

Báo giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải đầy đủ các nội dung sau:



- Văn bản báo giá phải có đầy đủ nội dung theo yêu cầu của hạng mục mua sắm tại mục III của thông báo chào giá;
- Giá đề xuất: (gồm giá chưa thuế, thuế, giá sau thuế)
- Trường hợp nhà cung cấp là tổ chức: văn bản báo giá phải có chữ ký của người đại diện hợp pháp và dấu hoặc chữ ký điện tử của nhà cung cấp theo quy định của pháp luật.

V. TIẾP NHẬN BÁO GIÁ:

- Chỉ tiếp nhận báo giá trực tiếp qua địa chỉ: Ông Bùi Văn Đắc - Phòng Quản lý Đầu tư – Hạ tầng QTSC - Tầng M, QTSC building 1, đường số 14, Khu công viên phần mềm Quang Trung, phường Trung Mỹ Tây, Tp.HCM trước ngày 28./07/2026.

PHÓ GIÁM ĐỐC 



Vũ Quang

PHỤ LỤC 1

HẠNG MỤC: THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CTRSH TOÀN KHU CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

(Đính kèm thông báo chào giá, ngày 24 tháng 07 năm 2026)

STT	Danh mục công tác	Đơn vị tính	Khối lượng	
			1 tháng	4 tháng
			(1)	(2)=(1)*4
HẠNG MỤC 1: THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CTRSH CỦA CÁC NĐT VÀ NHÀ HÀNG, QUÁN ĂN				
I	THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CTRSH CỦA CÁC NĐT			
1	Công ty TNHH Mai Anh Nam (lô 1) (9 thùng rác 240 lít) : 362,88*26 = 9434,88	kg	9.434,880	37.739,520
2	Công ty TNHH Xây dựng TM và Dịch vụ Long Yển (lô 2) (1 thùng rác 120 lít, 3 thùng rác 240 lít): 141,12*26 = 3669,12	kg	3.669,120	14.676,480
3	Công ty CP Công nghệ Thông tin Genpacific (lô 3) (1 thùng 240 lít, 1 thùng 660 lít): 84*26 = 2184	kg	2.184,0	8.736,0
4	Công ty CP Misa (lô 5) (8 thùng rác 240 lít): 322,56*26 = 8386,56	kg	8.386,560	33.546,240
5	Công ty TNHH Phần mềm kế toán PTT (lô 7) (4 thùng rác 240 lít): 161,28*26 = 4193,28	kg	4.193,280	16.773,120
6	Trường ĐH Hoa Sen (lô 10) (3 thùng rác 240 lít): 120,96*26 = 3144,96	kg	3.144,960	12.579,840
7	Công ty TNHH Trung tâm CNTT Charm (lô 11) (3 thùng rác 240 lít): 120,96*26 = 3144,96	kg	3.144,960	12.579,840
8	Công ty TNHH Quản trị Tài nguyên tri thức (lô 14) (3 thùng rác 240 lít): 120,96*26 = 3144,96	kg	3.144,960	12.579,840
9	Doanh nghiệp tư nhân dịch vụ Tường Minh (lô 17) (12 thùng rác 240 lít): 483,84*26 = 12579,84	kg	12.579,840	50.319,360
10	Ngân hàng TMCP Á Châu (lô 19) (1 thùng rác 240 lít): 40,32*26 = 1048,32	kg	1.048,320	4.193,280

STT	Danh mục công tác	Đơn vị tính	Khối lượng	
			1 tháng	4 tháng
11	Công ty TNHH Đầu tư Tư vấn Dịch vụ Tân Quang Việt (lô 20) (4 thùng rác 240 lít): $161,28 \times 26 = 4193,28$	kg	4.193,280	16.773,120
12	Công ty TNHH IDT Việt Nam (lô 25B) (1 thùng rác 120 lít): $20,16 \times 26 = 524,16$	kg	524,160	2.096,640
13	Trường trung cấp thông tin truyền thông Tp.HCM (lô 24) (3 thùng rác 240 lít): $54,7 \times 26 = 1422,2$	kg	1.422,20	5.688,80
14	Công ty TNHH Vân Trung (lô 26) (5 thùng rác 120 lít): $100,8 \times 26 = 2620,8$	kg	2.620,80	10.483,20
15	Công ty TNHH Phát triển CNPM Sài Gòn Liên Phương (lô 28) (4 thùng rác 240 lít): $161,28 \times 26 = 4193,28$	kg	4.193,280	16.773,120
16	Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Hồng Minh Đức (lô 29) (3 thùng rác 95 lít, 5 thùng rác 120 lít, 2 thùng rác 240 lít): $229,32 \times 26 = 5962,32$	kg	5.962,320	23.849,280
17	Công ty TNHH Giáo Dục Song Ngữ (lô 30) (2 thùng rác 240 lít): $80,64 \times 26 = 2096,64$	kg	2.096,640	8.386,560
18	Sở GD Chứng khoán TP.HCM (lô 32A) (1 thùng rác 120 lít, 2 thùng rác 240 lít): $100,8 \times 26 = 2620,8$	kg	2.620,80	10.483,20
19	Công ty CP Đầu tư Việt Nam (lô 32B) (1 thùng rác 660 lít): $110,88 \times 26 = 2882,88$	kg	2.882,880	11.531,520
20	Công ty CP Xây dựng Hồng Mã (lô 40) (7 thùng rác 240 lít): $282,24 \times 26 = 7338,24$	kg	7.338,240	29.352,960
21	Công ty CP Đầu tư Việt Nam (lô 42) (6 thùng rác 660 lít): $665,28 \times 26 = 17297,28$	kg	17.297,280	69.189,120
22	Công ty CP Công nghệ Viễn thông Sài Gòn (lô 46) (13 thùng rác 240 lít): $524,16 \times 26 = 13628,16$	kg	13.628,160	54.512,640
23	Công ty TNHH Sky Expo Việt Nam (lô 44) (4 thùng rác 240 lít): $161,28 \times 26 = 4193,28$	kg	4.193,280	16.773,120
24	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Vạn Thành An (1 thùng rác 240 lít): $40,32 \times 26 = 1048,32$	kg	1.048,320	4.193,280

STT	Danh mục công tác	Đơn vị tính	Khối lượng	
			1 tháng	4 tháng
II	THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CTRSH CÁC NHÀ HÀNG, QUÁN ĂN			
1	Akhoai (1 thùng rác 120 lít): $20,16 \times 26 = 524,16$	kg	524,160	2.096,640
2	Ty Food (2 thùng rác 95 lít): $31,92 \times 26 = 829,92$	kg	829,920	3.319,680
3	Nhà hàng Mina (1 thùng rác 120 lít, 3 thùng rác 240 lít): $141,12 \times 26 = 3669,12$	kg	3.669,120	14.676,480
4	HD Coffee (1 thùng rác 120 lít): $20,16 \times 26 = 524,16$	kg	524,160	2.096,640
5	Ny Coffee (1,5 thùng rác 120 lít): $30,24 \times 26 = 786,24$	kg	786,240	3.144,960
6	The Capital (1 thùng rác 95 lít): $15,96 \times 26 = 414,96$	kg	414,960	1.659,840
7	Highland (1 thùng rác 240 lít): $40,32 \times 26 = 1048,32$	kg	1.048,320	4.193,280
III	THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CTRSH CÁC BÃI XE			
1	Bãi xe Lô 41 (1 thùng 95 lít): $15,96 \times 26 = 414,96$	kg	414,960	1.659,840
2	Bãi xe nhà 3, 6A, 10 (3 thùng 95 lít): $47,88 \times 26 = 1244,88$	kg	1.244,880	4.979,520
3	Bãi xe lô 33 (1/6 thùng rác 120 lít): $2,66 \times 26 = 69,16$	kg	69,160	276,640
CỘNG HM1:			130.478,40	521.913,60
HẠNG MỤC 2: THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CTRSH CỦA CÁC KHỐI NHÀ QTSC				
I	THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CTRSH CỦA CÁC KHỐI NHÀ QTSC			
1	Toà nhà QTSC1 và nhà 10 (5 thùng 660 lít): $554,4 \times 26 = 14414,4$	kg	14.414,40	57.657,60
2	Nhà 3, nhà 5, nhà 8 và Trạm xử lý nước cấp (6 thùng 240 lít): $241,92 \times 26 = 6289,92$	kg	6.289,920	25.159,680
3	Nhà Helios, nhà SBI, nhà 6A (lô 6) (9 thùng 240 lít): $362,88 \times 26 = 9434,88$	kg	9.434,880	37.739,520

STT	Danh mục công tác	Đơn vị tính	Khối lượng	
			1 tháng	4 tháng
4	Trạm Xử lý nước thải (2 thùng 95 lít): $31,92 \times 26 = 829,92$	kg	829,920	3.319,680
5	Trung tâm Công nghệ số (2 thùng 240 lít): $80,64 \times 26 = 2096,64$	kg	2.096,640	8.386,560
6	Nhà bảo vệ cổng 1, cổng 2, cổng 4 (bao gồm cây xăng Thiên Ngọc) (1 thùng 95 lít): $15,96 \times 26 = 414,96$	kg	414,960	1.659,840
	CỘNG HM2:		33.480,720	133.922,880
HẠNG MỤC 3: THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CTRSH QUÉT ĐƯỜNG, VỈA HÈ VÀ CTRSH CÔNG CỘNG				
I	THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CTRSH QUÉT ĐƯỜNG, VỈA HÈ VÀ CTRSH CÔNG CỘNG			
1	Rác quét đường, vỉa hè (15 thùng 240 lít): $720 \times 26 = 18720$	kg	18.720,0	74.880,0
2	Rác công cộng trên vỉa hè (4 thùng 240 lít): $192 \times 26 = 4992$	kg	4.992,0	19.968,0
	CỘNG HM3:		23.712,0	94.848,0
	TỔNG CỘNG:		187.671,12	750.684,48